



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Địa chỉ: Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0650. 3749080 - Fax: 0650. 3749287

Mã chứng khoán: NHC

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ 04 NĂM 2016

- |                                  |                 |
|----------------------------------|-----------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán          | : Mẫu số B01-DN |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh  | : Mẫu số B02-DN |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ    | : Mẫu số B03-DN |
| 4. Thuyết minh Báo cáo tài chính | :               |

Tháng 01/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/ 12 /2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>26,790,437,738</b>	<b>58,695,884,552</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8,767,526,202</b>	<b>23,952,730,066</b>
1. Tiền	111		3,267,526,202	1,952,730,066
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,500,000,000	22,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5,703,330,012</b>	<b>29,550,392,980</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		945,389,562	1,938,137,955
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		(242,059,550)	(387,744,975)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,000,000,000	28,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7,632,629,110</b>	<b>2,449,405,547</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		477,097,408	1,918,820,501
2. Trả trước cho người bán	132		77,000,000	39,600,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7,000,000,000	0
6. Phải thu khác ngắn hạn khác (138, 338,)	136		103,531,702	515,985,046
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(25,000,000)	(25,000,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4,676,873,245</b>	<b>2,699,740,359</b>
1. Hàng tồn kho	141		5,053,992,120	3,076,859,234
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(377,118,875)	(377,118,875)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10,079,169</b>	<b>43,615,600</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,079,169	43,615,600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		5,000,000	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>35,069,639,840</b>	<b>4,978,654,178</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>T. MINH</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,335,223,286</b>	<b>1,733,945,602</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		680,529,948	1,060,944,392
- Nguyên giá	222		3,859,212,424	4,326,225,410
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,178,682,476)	(3,265,281,018)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		654,693,338	673,001,210
- Nguyên giá	228		860,470,113	860,470,113
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(205,776,775)	(187,468,903)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>1,521,090,416</b>	<b>1,563,626,264</b>
- Nguyên giá	231		1,999,184,634	1,999,184,634
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(478,094,218)	(435,558,370)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31,173,090,602</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		11,918,640,000	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20,000,000,000	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(745,549,398)	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,040,235,536</b>	<b>1,681,082,312</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,040,235,536	1,681,082,312
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>61,860,077,578</b>	<b>63,674,538,730</b>

